

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB
dự án: Xây dựng khu dân cư mới xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Thái Bình về việc ban hành quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của UBND tỉnh Thái Bình về ban hành bộ đơn giá bồi thường cây trồng và vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình; Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt điều chỉnh mở rộng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình;

Căn cứ Công văn số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh Thái Bình về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu dân cư mới xã Vũ Phúc; Công văn số 2239/UBND-CTXDGT ngày 24/6/2016 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng dự án Xây dựng khu dân cư mới xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình;

Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình tại Tờ trình số 88/TTr-PTQĐ ngày 25/7/2019 về việc thẩm định, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Xây dựng khu dân cư mới xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình (Đợt 7); Đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố tại Báo cáo số 112/BC-TNMT ngày 13/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Xây dựng khu dân cư mới xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình - đợt 7, với tổng

số tiền là 950.747.674 đồng (Chín trăm năm mươi triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm bảy mươi tư đồng).

Cụ thể như sau:

1. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 950.025.510 đồng.
+ Kinh phí hỗ trợ cây cối hoa màu trên đất giao thông: 23.813.475 đồng;
+) Kinh phí bồi thường di chuyển mộ có chủ: 12.294.710 đồng;
+) Kinh phí bồi thường dịch chuyển đường dây điện 400V: 913.917.325 đồng.
(Có phương án chi tiết kèm theo)
2. Kinh phí tổ chức thực hiện GPMB: 722.164 đồng.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Vũ Phúc thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án được duyệt và thanh quyết toán theo quy định.

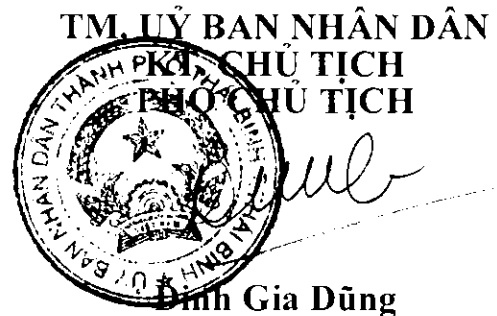
2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên công thông tin điện tử thành phố Thái Bình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vũ Phúc, Trưởng các phòng, ban, đơn vị và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch, các Đ/c PCT UBND T.Phố;
- Lưu: VT, TNMT.



PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY GPMB

Dự án: Khu dân cư mới xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình (đợt 7)

(Kèm theo Quyết định số: 2982/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND Thành phố)

DVT: VND

STT	Họ và tên		Kinh phí hỗ trợ cây cối hoa màu trồng trên đất giao thông	Kinh phí bồi thường di chuyển mộ có chủ	Kinh phí bồi thường di chuyển đường điện 400V	Tổng cộng	Ghi chú
	A		B	C	D	E=B+C+D	
1	Trịnh Thị	Hường	191.250	-	-	191.250	
2	Mai Xuân	Giang	441.250	-	-	441.250	
3	Đặng Thị	Nga	230.000	-	-	230.000	
4	Lê Văn	Lịch	372.500	-	-	372.500	
5	Hoàng Văn	Na	569.700	-	-	569.700	
6	Hoàng Thanh	An	276.500	-	-	276.500	
7	Hoàng Văn	Đệ	318.750	-	-	318.750	
8	Dương Thị	Hương	136.000	-	-	136.000	
9	Hoàng Văn	Sỹ	206.125	-	-	206.125	
10	Hoàng Ngọc	Kiểm	2.310.000	-	-	2.310.000	
11	Lê Văn	Như	1.466.250	-	-	1.466.250	
12	Hoàng Xuân	Vinh	170.000	-	-	170.000	
13	Phạm Đình	Quy	170.000	-	-	170.000	
14	Vũ Văn	Nọa	365.000	-	-	365.000	
15	Vũ Văn	Quang	195.500	-	-	195.500	
16	Nguyễn Quang	Trường	148.750	-	-	148.750	
17	Trần Văn	Duân	260.500	-	-	260.500	
18	Trần Thị	Thỉnh	182.500	-	-	182.500	
19	Hoàng Thị	Vinh	161.500	-	-	161.500	
20	Hoàng Thanh	Vũ	382.500	-	-	382.500	
21	Hoàng Thế	Tài	6.948.750	-	-	6.948.750	
22	Lê Thanh	Tân	1.221.500	-	-	1.221.500	
23	Trịnh Việt	Thăng	460.000	-	-	460.000	
24	Lưu Xuân	Hòa	273.000	-	-	273.000	



STT	Họ và tên	Kinh phí hỗ trợ cây cối hoa màu trồng trên đất giao thông	Kinh phí bồi thường di chuyển mộ có chủ	Kinh phí bồi thường dịch chuyển đường điện 400V	Tổng cộng	Ghi chú
25	Lê Đăng Linh	601.200	-	-	601.200	
26	Nguyễn Ngọc Thuần	2.297.750	-	-	2.297.750	
27	Hoàng Văn Thanh	80.000	-	-	80.000	
28	Lê Chí Tuất	259.000	-	-	259.000	
29	Hoàng Thị Nền	191.250	-	-	191.250	
30	Bùi Xuân Vân	904.500	-	-	904.500	
31	Hoàng Văn Thuần	1.345.500	-	-	1.345.500	
32	Nguyễn Thị Vinh	646.700	-	-	646.700	
33	Bùi Thọ Phúc	29.750	-	-	29.750	
34	Đặng Văn Tâm	-	7.594.710	-	7.594.710	
35	Nguyễn Văn Tiến	-	3.980.000	-	3.980.000	
36	Đặng Văn Thư	-	240.000	-	240.000	
37	Hoàng Hải Huân	-	480.000	-	480.000	
38	Điện lực thành phố Thái Bình	-	-	913.917.325	913.917.325	
	Tổng cộng:	23.813.475	12.294.710	913.917.325	950.025.510	

